

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 000336

Trang : 1/3

Môn học: **Kỹ thuật sấy (228216) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK3 2021-2022**

Tổ: **001**

Ngày thi: **29/08/2022**

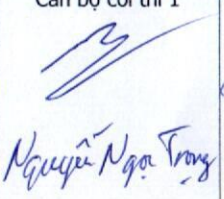
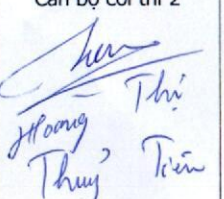
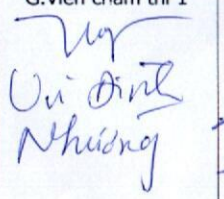
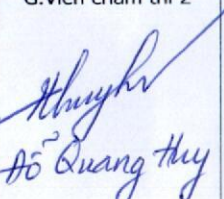
Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D5-28**

Số SV có mặt: 38

Số bài thi: 38

Số tờ giấy thi: 38

Cán bộ coi thi 1  Nguyễn Ngọc Trọng	Cán bộ coi thi 2  Hoàng Thủy Tiên	G.Viên chấm thi 1  Vũ Văn Đình	G.Viên chấm thi 2  Đỗ Quang Huy
--	--	---	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121180092	HỒ SĨ AN	27/03/2003	CCQ2118C		1		7,7	4,0	5,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2121180103	LÊ VĨ AN	19/09/2003	CCQ2118C							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2121180044	TRẦN HẢI ÂU	30/11/2003	CCQ2118B		1		7,0	4,0	5,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2121180043	NGUYỄN GIA BẢO	02/03/2003	CCQ2118B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2121150056	LÊ AN CƯ	26/01/2002	CCQ2118B		1		5,7	2,5	3,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
6	2121180067	TRẦN QUỐC CƯỜNG	02/06/2003	CCQ2118B		1		8,2	9,0	8,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2121180056	CAO NHẤT DANH	28/06/2003	CCQ2118B		1		6,3	3,5	4,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2121180046	NGUYỄN HOÀN ĐIỀU	10/07/2003	CCQ2118B		1		8,2	4,5	6,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2121180014	TRỊNH MINH DU	14/12/2003	CCQ2118A		1		7,2	5,5	6,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2121180068	TRƯƠNG ĐẠI ĐŨNG	14/11/2002	CCQ2118C							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2121180083	PHẠM PHƯỚC DỰ	27/10/2003	CCQ2118C		1		5,3	2,0	3,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2121180048	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	06/05/2003	CCQ2118B		1		8,0	5,5	6,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2121170222	DƯƠNG QUỐC ĐẠT	06/01/2003	CCQ2118C		1		7,0	5,5	6,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2121180107	DƯƠNG VĨNH HÀO	30/04/2003	CCQ2118C		1		8,0	6,5	7,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2121180106	TRẦN ĐÌNH HÀO	11/08/2002	CCQ2118C		1		8,0	7,0	7,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2121180032	NGUYỄN QUỐC HIỆP	16/06/2003	CCQ2118A		1		7,7	5,0	6,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2121180061	LƯU HOÀI HIẾU	20/09/2003	CCQ2118B		1		5,8	3,5	4,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2121180096	NGUYỄN THANH HOÀNG	02/10/2003	CCQ2118C		1		8,2	4,5	6,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2121180101	DŨNG MINH HUY	15/06/2003	CCQ2118C		1		8,0	5,0	6,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2121180027	DƯƠNG LÂM KHANG	02/07/2003	CCQ2118A		1		6,0	7,0	6,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 000336

Trang : 2/3

Môn học: **Kỹ thuật sấy (228216) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK3 2021-2022**

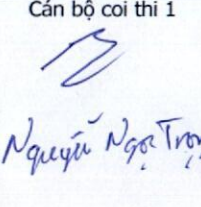
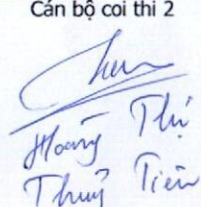
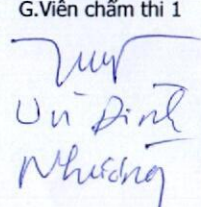
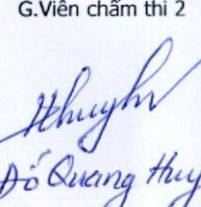
Tổ: **001**

Ngày thi: **29/08/2022**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D5-28**

Số SV có mặt: 38
Số bài thi: 38
Số tờ giấy thi: 38

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Nguyễn Ngọc Trọng	 Hoàng Thị Thuý Tiên	 Vũ Văn Đình	 Đỗ Quang Huy

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121180028	ĐÀO TRỌNG KHÁNH	03/07/2003	CCQ2118A		1	Khánh	7,7	2,0	4,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121180072	HUỖNH TRÚC KHOANG	25/05/2003	CCQ2118C		1	Khoang	6,3	5,5	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121180063	LÊ TRUNG KIÊN	23/12/2003	CCQ2118B							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121180055	NGUYỄN TẤN KIẾT	04/10/2003	CCQ2118B		1	Quyet	5,7	3,5	4,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2121180104	HOÀNG ĐÌNH LẠNG	15/11/2003	CCQ2118C		1	Lang	7,7	5,5	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2121180058	PHAN NHẬT LINH	27/04/2003	CCQ2118B		1	Linh	6,3	4,5	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2121180042	LÊ CÔNG LUẬN	06/02/2003	CCQ2118B		1	Luân	6,7	3,5	4,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2121180047	LÊ CÔNG NGHĨA	01/04/2003	CCQ2118B		1	nghe	6,3	3,0	4,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2121180039	NGUYỄN CÔNG NGUYỄN	04/03/2003	CCQ2118B		1	Nguyen	5,7	5,0	5,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2121180057	NGUYỄN NGÔ NHẬT PHI	24/10/2003	CCQ2118B		1	Phi	6,8	3,0	4,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2121180091	LÊ TẤN PHƯỚC	25/09/2003	CCQ2118C							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2121180097	TRẦN KHÁNH QUANG	03/05/2003	CCQ2118C		1	Quang	7,2	4,5	5,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2121180037	ĐẶNG THANH SƠN	06/02/2003	CCQ2118B		1	Son	6,3	5,0	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2121180090	NGUYỄN NGỌC THẮNG	29/05/2003	CCQ2118C							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2121180052	ĐẶNG VĂN THIÊN	11/06/2002	CCQ2118B		1	Thien	6,3	4,5	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2121180068	HUỖNH THỊNH	21/09/2003	CCQ2118B		1	Thinh	7,0	5,5	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2121180079	KIỀU QUỐC THỌ	24/06/2003	CCQ2118C		1	Tho	6,7	4,0	5,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2121180069	HOÀNG VĂN TIẾN	07/07/2003	CCQ2118B		1	Tien	8,5	9,5	9,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2121180099	LÊ QUỐC TIẾN	06/08/2003	CCQ2118C		1	Tien	8,5	6,5	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	2121180093	NGUYỄN MINH TRÍ	03/06/2003	CCQ2118C							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 000336

Trang : 3/3

Môn học: **Kỹ thuật sấy (228216) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK3 2021-2022**

Tổ: **001**

Ngày thi: **29/08/2022**

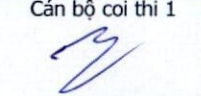
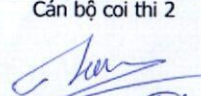
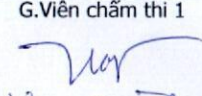
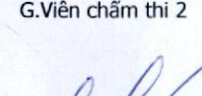
Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D5-28**

Số SV có mặt: 38

Số bài thi: 39

Số tờ giấy thi: 38

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Nguyễn Ngọc Trọng	 Hoàng Thị Thùy Tiên	 Vũ Đình Như	 Đỗ Quang Huy

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2121180105	LƯU MINH TRUNG	29/08/2003	CCQ2118C		1		7,7	2,0	4,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	2121180060	PHAN QUỐC TÚ	19/05/2003	CCQ2118B		1		6,5	8,0	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	2121180077	NGUYỄN MINH TUYỀN	18/06/2003	CCQ2118C		1		7,8	5,5	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	2121180082	LƯƠNG HỒNG VI	19/04/2003	CCQ2118C		1		6,5	5,5	5,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	2121180081	DƯƠNG QUỐC VIỆT	01/06/2003	CCQ2118C		1		7,3	5,5	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 000337

Trang : 1/1

Môn học: **Kỹ thuật sấy (228216) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK3 2021-2022**

Tổ: **001**

Ngày thi: **29/08/2022**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D4-23** ⇒ **D5.31**

Số SV có mặt: **8**

Số bài thi: **8**

Số tờ giấy thi: **8**

Cán bộ coi thi 1 <i>[Signature]</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>[Signature]</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>[Signature]</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>[Signature]</i>
--	--	---	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121180020	LÊ NGỌC ĐẠT	12/10/2003	CCQ2118LA			<i>[Signature]</i>	7,5	9,0	8,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121180076	LÊ TRỌNG HÙNG	22/02/2003	CCQ2118LA							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121180045	NGUYỄN THÀNH LUÂN	13/06/2003	CCQ2118LA		1	<i>[Signature]</i>	7,2	8,5	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121180025	NGUYỄN LÊ HOÀI NAM	28/08/2003	CCQ2118LA		1	<i>[Signature]</i>	7,3	5,5	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121180066	TRẦN THANH NHÀN	19/08/2003	CCQ2118LA		1	<i>[Signature]</i>	7,5	7,5	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121180041	NGUYỄN MINH NHẤT	19/10/2003	CCQ2118LA		1	<i>[Signature]</i>	6,5	5,5	5,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121180074	TRẦN TRỌNG SANG	04/02/2003	CCQ2118LA		1	<i>[Signature]</i>	7,2	5,0	5,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121180070	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	01/04/2003	CCQ2118LA							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121180065	ĐÀO VĂN THOẠI	12/11/2002	CCQ2118LA		1	<i>[Signature]</i>	6,3	8,0	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121180078	VÕ MINH TRỌNG	09/06/2003	CCQ2118LA		1	<i>[Signature]</i>	8,7	9,0	8,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9